

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 9 – 2025

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Ông Tạ Bửu Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 231/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1986. Căn cước công dân số: 095186006865.

Địa địa thường trú: Ấp T, xã V, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm 11, phường T, tỉnh Cà Mau). Chỗ ở hiện nay: K13, khu phố K, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là K13, khu phố K, phường H, tỉnh Đồng Nai). Có mặt

- Bị đơn: Ông Phương Duy Q, sinh năm 1975. Chứng minh nhân dân số: 380957599.

Địa chỉ cư trú: Số I, ấp T, xã V, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm 11, phường T, tỉnh Cà Mau). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phạm Thị Tr trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Phương Duy Q tự nguyện chung sống vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau ngày 29/7/2004, Giấy chứng nhận kết hôn 128, Quyền 01/2004. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Q.

- *Về con chung:* Bà và ông Q có 03 người con chung tên Phương Quốc T, sinh năm 2003, Phương Quốc T1, sinh năm 2005, hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng; Phương Ngọc T2, sinh ngày 20/5/2011, đang sống cùng ông Q. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao cháu T2 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng.

- *Về tài sản:* Bà xác định không có.

- *Về nợ chung:* Bà xác định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Đối với bị đơn ông Phương Duy Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho ông Q tham gia các phiên họp, hòa giải, đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Q vẫn vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc ly hôn.

Bị đơn ông Phương Duy Q đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Tr yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phương Duy Q, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Tr và ông Q kết hôn hoàn toàn tự nguyện, theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Tr cho rằng thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi và với nhau, không hạnh phúc, đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay. Xét thấy, bà Tr và ông Q xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế ông, bà đã sống ly thân với nhau, tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Ông Q không có ý kiến, nên không xem xét. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Tr về việc ly hôn với ông Q.

[3] Con chung: Bà Tr và ông Q có 03 người con chung tên Phương Quốc T, sinh năm 2003, Phương Quốc T1, sinh năm 2005 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử

không xem xét, giải quyết. Đối với Phương Ngọc T2, sinh ngày 20/5/2011, đang sống cùng ông Q. Tại phiên tòa, bà Tr yêu cầu giao cháu T2 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu T2 đang sống ổn định cùng ông Q. Do đó, để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, nên chấp nhận yêu cầu bà Tr giao cháu T2 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông Q không có ý kiến, nên không xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Tài sản chung: Không có.

[5] Nợ chung: Bà Tr xác định không có. Không ai yêu cầu về nợ chung, nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tr, về việc yêu cầu ly hôn với ông Phương Duy Q.

Con chung: Giao Phương Ngọc T2, sinh ngày 20/5/2011 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Phạm Thị Tr phải nộp 300.000 đồng. Ngày 21/4/2025, bà Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Cà Mau (biên lai số 0010711) được chuyển thu.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- Cơ quan THADS Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân